

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2021/HNGĐ-ST
Ngày 30-9-2021
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Anh Luyến

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Minh Biên
2. Ông Nguyễn Ngọc Thắng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Nga – Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa: Bà Phạm Đài Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 115/2021/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2021 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Hứa Thị Phương L** - Sinh năm: 1986; Nghề nghiệp: Kế toán; Dân tộc: Tày; Trình độ văn hóa: 12/12; Địa chỉ: Tổ 6, thị trấn V, huyện V, tỉnh H. Hôm nay vắng mặt.

Bị đơn: Anh **Cần Xuân Ch** - Sinh năm: 1979; Nghề nghiệp: Cán bộ; Dân tộc: Kinh; Trình độ văn hóa: 12/12; Địa chỉ: Tổ 16, thị trấn V, huyện V, tỉnh H. Hôm nay vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 17-7-2021 của nguyên đơn và các lời khai tại Tòa án, chị Hứa Thị Phương L trình bày: Chị L và anh Cần Xuân Ch trước khi kết hôn hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện V, tỉnh H vào ngày 29-12-2009. Sau khi kết hôn vợ chồng tôi chung sống hạnh phúc. Đến khoảng tháng 11 năm 2018, vợ chồng chị phát sinh mâu thuẫn. Lý do mâu thuẫn là do cuộc sống gia đình chị có nhiều điều bất đồng trong làm ăn kinh tế, cuộc sống không hòa thuận, nên thường xuyên xảy ra cãi vã nhau, vợ chồng chị đã sống ly thân nhau từ tháng 01 năm 2020 cho đến nay, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay chị L có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Cần Xuân Ch để mỗi người có một cuộc sống riêng.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng chị L, anh Ch có hai

con chung là cháu Cấn Bảo Th, sinh ngày 20-6-2011 và cháu Cấn Giáng M, sinh ngày 31-10-2015. Ly hôn chị L có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Th và cháu M cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Yêu cầu anh Cấn Xuân Ch có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Cấn Giáng M số tiền là 1.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản, công nợ chung: Vợ, chồng tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Cấn Xuân Ch trình bày tại biên bản lấy lời khai của đương sự ghi ngày 01-9-2021, ngày 26-8-2021 mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản hòa giải có nội dung: Anh Ch và chị Hứa Thị Phương L trước khi kết hôn có được tìm hiểu nhau. Có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện V, tỉnh H vào ngày 29-12-2009. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chung sống hạnh phúc. Đến khoảng tháng 11 năm 2018, vợ chồng anh phát sinh mâu thuẫn. Lý do mâu thuẫn là do cuộc sống gia đình chúng anh có nhiều điều bất đồng trong làm ăn kinh tế, cuộc sống không hòa thuận, nên thường xuyên xảy ra cãi vã nhau, vợ chồng anh đã sống ly thân nhau từ tháng 01 năm 2020 cho đến nay, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay chị L có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Cấn Xuân Ch, anh Ch không nhất trí ly hôn, mong chị L quay về đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con cái.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng anh có hai con chung là cháu Cấn Bảo Th - Sinh ngày: 20-6-2011 và cháu Cấn Giáng M - Sinh ngày: 31-10-2015; Hiện nay cháu đang ở với vợ tôi tại tổ 6, thị trấn V, huyện V, tỉnh H. Trong trường hợp chị L một mực xin ly hôn, anh Ch có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Th và cháu M cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi, anh Ch không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và công nợ chung: Vợ chồng anh Ch, chị L tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành thụ lý vụ án và tiến hành các bước theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Do các đương sự không thỏa thuận được, Tòa án đưa ra xét xử.

Chị L vắng mặt tại phiên tòa Chủ tọa phiên tòa thay mặt hội đồng xét xử công bố các bản tự khai và các tài liệu kèm theo, chị L giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn anh Ch; Về con chung chị L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Cấn Bảo Th - Sinh ngày: 20-6-2011 và cháu Cấn Giáng M - Sinh ngày: 31-10-2015 cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi và yêu cầu anh Ch có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Cấn Giáng M số tiền là 1.000.000 đồng/tháng; Về tài sản, công nợ chung: Vợ chồng chị L, anh Ch tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Ch vắng mặt tại phiên tòa Chủ tọa phiên tòa thay mặt hội đồng xét xử công bố các lời khai và tài liệu kèm theo anh Ch giữ nguyên quan điểm không nhất trí ly hôn với chị L; Về con chung anh Ch có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Th và cháu M cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi, anh Ch không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản, công nợ chung: Vợ chồng anh tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không có gì sai phạm.

Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V về việc giải quyết vụ án:

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Đề nghị HĐXX xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" của chị Hứa Thị Phương L đối với anh Cấn Xuân Ch.

2. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hứa Thị Phương L và anh Cấn Xuân Ch ly hôn.

3. Về con chung: Giao cháu Cấn Bảo Th - Sinh ngày: 20-6-2011 và cháu Cấn Giáng M - Sinh ngày: 31-10-2015 cho chị Hứa Thị Phương L; Địa chỉ: Tổ 6, thị trấn V, huyện V, tỉnh H trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu Th, cháu M trưởng thành đủ 18 tuổi, kể từ ngày 30-9-2021.

Anh Cấn Xuân Ch phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Cấn Giáng M - Sinh ngày: 31-10-2015 với số tiền là 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu M trưởng thành đủ 18 tuổi và có quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở.

4. Về tài sản, công nợ chung: Chị L và anh Ch tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

5. Về án phí; Quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn khởi kiện của chị Hứa Thị Phương L về việc xin ly hôn với anh Cấn Xuân Ch được Tòa án nhân dân huyện V thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã xác định từ cách đương sự, thu thập chứng cứ, tiến hành hòa giải, ra quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự, thủ tục luật định.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hứa Thị Phương L và anh Cấn Xuân Ch tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện V, tỉnh H vào ngày 29-12-2009, nên có cơ sở kết luận quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh Ch là hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ, chồng chung sống hạnh phúc, đến khoảng tháng 11/2018 vợ, chồng chị L, anh Ch phát sinh mâu thuẫn, đã

sống ly thân nhau từ tháng 01 năm 2020 cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do cuộc sống gia đình có nhiều điều bất đồng trong làm ăn kinh tế, cuộc sống không hòa thuận. Mục đích hôn nhân không đạt được nên chị L có đơn xin ly hôn với anh Ch. Tòa án nhận thấy về tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh Ch cuộc sống chung không hoà hợp, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L đối với anh Ch là phù hợp theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng chị L, anh Ch có hai con chung là cháu Cần Bảo Th - Sinh ngày: 20-6-2011 và cháu Cần Giáng M - Sinh ngày: 31-10-2015

[4] Xét thấy cần chấp nhận nguyện vọng của cháu Th xin được ở với mẹ là chị L và phù hợp nguyện vọng của chị L mong muốn được nuôi cháu Th. Còn cháu Cần Giáng M - Sinh ngày: 31-10-2015 hiện nay còn nhỏ. Do vậy Tòa án cần giao cháu Cần Bảo Th - Sinh ngày: 20-6-2011 và cháu Cần Giáng M - Sinh ngày: 31-10-2015 cho chị Hứa Thị Phương L; Địa chỉ: Tổ 6, thị trấn V, huyện V, tỉnh H trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu Th và cháu M trưởng thành đủ 18 tuổi, kể từ ngày 30-9-2021 là phù hợp với thực tế, vì chị L có công việc, thu nhập ổn định sẽ bảo đảm được cuộc sống học tập cho cháu Th và cháu M.

[5] Anh Cần Xuân Ch có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Cần Giáng M - Sinh ngày: 31-10-2015 với số tiền là 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu M trưởng thành đủ 18 tuổi và có quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở.

[6] Tòa án xét thấy nguyện vọng của anh Ch xin nhận nuôi cháu Th và cháu M, nhưng cháu Th có nguyện vọng xin được ở với mẹ là chị L, còn cháu M hiện nay vẫn còn nhỏ, do vậy không có cơ sở để chấp nhận quan điểm của anh Ch.

[7] Theo quy định tại Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[8] Về tài sản, công nợ chung: Chị L và anh Ch tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[9] Về án phí: Chị L là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Anh Ch là bị đơn phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con

[11] Quyền kháng cáo: Chị Hứa Thị Phương L và anh Cần Xuân Ch được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 357 của Bộ luật dân sự; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện: Về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" của chị Hứa Thị Phương L đối với anh Cấn Xuân Ch.

2. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Hứa Thị Phương L và anh Cấn Xuân Ch ly hôn.

3. *Về con chung*: Giao cháu Cấn Bảo Th - Sinh ngày: 20-6-2011 và cháu Cấn Giáng M - Sinh ngày: 31-10-2015 cho chị Hứa Thị Phương L; Địa chỉ: Tổ 6, thị trấn V, huyện V, tỉnh H trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu Th và cháu M trưởng thành đủ 18 tuổi, kể từ ngày 30-9-2021

Anh Cấn Xuân Ch có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Cấn Giáng M - Sinh ngày: 31-10-2015 với số tiền là 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu M trưởng thành đủ 18 tuổi và có quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự

4. *Về tài sản, công nợ*: Các bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết

5. *Về án phí*: Chị Hứa Thị Phương L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh H là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002137 ngày 23 tháng 7 năm 2021 (Chị L đã nộp đủ án phí)

Anh Cấn Xuân Ch phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con với số tiền là 300.000 đồng.

6. *Quyền kháng cáo*: Báo cho chị L, anh Ch có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7; Điều 7a; Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện V;
- TAND tỉnh;
- UBND thị trấn V, huyện V tỉnh H;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm Anh Luyện

